

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
Thông báo công khai quyết toán ngân sách năm 2023

Thời gian: 15giờ 30 phút, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Địa điểm: Tại trường Mầm non Sao Sáng 3

Thành phần tham dự:

1. Đ/c Lương Thị Oanh : Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng - Chủ tọa
2. Đ/c Nguyễn Thị Tuyết Ngọc: Chủ tịch Công đoàn trường
3. Đ/c Vũ Thị Bích Liên: Trưởng ban thanh tra nhân dân
4. Đ/c Nguyễn Thanh Hoà: Cấp ủy
5. Đ/c Phạm Kim Xuyên: Thư ký
6. Ông Vũ Văn Phúc - Tổ trưởng tổ Bảo vệ

Nội dung: Thông báo công khai quyết toán ngân sách năm 2024

Các thành viên tham dự cuộc họp đều thống nhất xác nhận trường Mầm non Sao Sáng 3 bắt đầu dán Thông báo Công khai quyết toán ngân sách năm 2023 tại bảng tin của nhà trường (Thời gian công khai 7 ngày)

Cuộc họp kết thúc hồi 16h00 cùng ngày./.

THƯ KÝ



Phạm Kim Xuyên

CHỦ TRÌ



Lương Thị Oanh



Vũ Thị Bích Liên



Nguyễn Thị Tuyết Ngọc



Nguyễn Thanh Hòa



Vũ Văn Phúc

BIÊN BẢN
Tổng kết việc thu thập thông tin sau khi công khai
Quyết toán ngân sách năm 2023

Thời gian: 16 giờ 00 phút, ngày 8 tháng 02 năm 2024

Địa điểm: Tại trường Mầm giáo Sao Sáng 3

Thành phần tham dự:

1. Đ/c Lương Thị Oanh: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng - Chủ tọa
2. Đ/c Nguyễn Thị Tuyết Ngọc: Chủ tịch Công đoàn trường
3. Đ/c Vũ Thị Bích Liên: Trưởng ban thanh tra nhân dân
4. Đ/c Nguyễn Thanh Hoà: Cấp ủy
5. Đ/c Phạm Kim Xuyên: Thư ký
6. Ông Vũ Văn Phúc - Tổ trưởng tổ Bảo vệ

Nội dung: Kết thúc Thông báo Quyết toán ngân sách năm 2023

Đ/c Lương Thị Oanh lấy ý kiến thu thập thông tin về việc thông báo công khai quyết toán ngân sách năm 2023.

Các thành viên trong cuộc họp đều xác nhận: Trong thời gian trường Mầm non Sao Sáng 3 dán thông báo công khai quyết toán ngân sách năm 2023 từ ngày 01/2/2024 đến hết ngày 8/2/2024, không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào từ cán bộ giáo viên và phụ huynh học sinh.

Cuộc họp kết thúc hồi 16h30 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ



Phạm Kim Xuyên

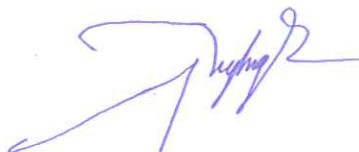
CHỦ TRÌ



Lương Thị Oanh



Vũ Thị Bích Liên



Nguyễn Thị Tuyết Ngọc



Nguyễn Thanh Hòa



Vũ Văn Phúc

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Mẫu Giáo Sao Sáng 3

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ- ... ngày .../.../... của)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	10.322.027.843	10.322.027.843	
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.322.027.843	10.322.027.843	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.322.027.843	10.322.027.843	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.909.965.916	5.909.965.916	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.412.061.927	4.412.061.927	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			

Đơn vị: Trường Mẫu Giáo Sao Sáng 3
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Năm 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		10.322.027.843		
I	Nguồn ngân sách trong nước		10.322.027.843		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		10.322.027.843		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		5.909.965.916		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		4.412.061.927		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Đơn vị: Trường Mẫu Giáo Sao Sáng 3

Chương: 622

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Lương Thị Oanh

Mã chương: 622
Đơn vị báo cáo: Trường Mẫu Giáo Sao Sáng 3
Mã DVQHNS: 1052007

Phụ biểu F01-01/BCQT
(Ban hành theo Thông tư số: 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CHI TIẾT CHI TỪ NGUỒN NSNN VÀ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐỂ LẠI

Năm 2023
Nguồn kinh phí: Ngân sách Quận không tự chủ

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mức	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				I. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	3.836.683.927	3.836.683.927				
		6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	949.634.000	949.634.000				
			6199	Các khoản hỗ trợ khác	949.634.000	949.634.000				
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	2.567.050.000	2.567.050.000				
			6907	Nhà cửa	2.567.050.000	2.567.050.000				
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	319.999.927	319.999.927				
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	319.999.927	319.999.927				
				Tổng cộng	3.836.683.927	3.836.683.927				

Mã chương: 622
Đơn vị báo cáo: Trường Mẫu Giáo Sao Sáng 3
Mã ĐVQHNS: 1052007

Người lập
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Nguyễn Thị Ngọc Mai

Nguyễn Thị Ngọc Mai

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lương Thị Oanh

Mã chương: 622
Đơn vị báo cáo: Trường Mẫu Giáo Sao Sáng 3
Mã ĐVQHNS: 1052007

Phụ biểu F01-01/BCQT
(Ban hành theo Thông tư số: 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CHI TIẾT CHI TỪ NGUỒN NSNN VÀ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ, ĐỂ LẠI

Năm 2023
Nguồn kinh phí: Ngân sách Quận tự chủ

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	I	2	3	4	5	6
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.317.242.232	4.317.242.232				
		6000		Tiền lương	2.272.045.214	2.272.045.214				
			6001	Lương theo ngạch, bậc	2.022.481.816	2.022.481.816				
			6003	Lương hợp đồng theo chế độ	29.477.800	29.477.800				
			6049	Lương khác	220.085.598	220.085.598				
		6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	158.693.491	158.693.491				
			6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	158.693.491	158.693.491				
		6100		Phụ cấp lương	1.064.549.184	1.064.549.184				
			6101	Phụ cấp chức vụ	33.599.511	33.599.511				
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	728.522.947	728.522.947				
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	596.000	596.000				
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	301.830.726	301.830.726				
		6200		Tiền thưởng	37.080.000	37.080.000				
			6201	Thưởng thường xuyên	37.080.000	37.080.000				
		6300		Các khoản đóng góp	628.669.994	628.669.994				
			6301	Bảo hiểm xã hội	455.665.175	455.665.175				
			6302	Bảo hiểm y tế	80.411.500	80.411.500				
			6303	Kinh phí công đoàn	53.607.669	53.607.669				

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường Mẫu Giáo Sao Sáng 3

Mã ĐVQHNS: 1052007

Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	25.583.733	25.583.733				
			6349	Các khoản đóng góp khác	13.401.917	13.401.917				
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	49.269.316	49.269.316				
			6501	Tiền điện	6.418.990	6.418.990				
			6502	Tiền nước	32.283.966	32.283.966				
			6504	Tiền vệ sinh, môi trường	10.566.360	10.566.360				
		6550		Vật tư văn phòng	2.900.000	2.900.000				
			6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	2.900.000	2.900.000				
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	16.604.795	16.604.795				
			6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	2.922.395	2.922.395				
			6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	10.296.000	10.296.000				
			6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	3.386.400	3.386.400				
		6750		Chi phí thuê mượn	24.800.239	24.800.239				
			6754	Thuê thiết bị các loại	24.030.239	24.030.239				
			6799	Chi phí thuê mượn khác	770.000	770.000				
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	10.920.000	10.920.000				
			6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	10.920.000	10.920.000				
		6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	35.620.000	35.620.000				
			6999	Tài sản và thiết bị khác	35.620.000	35.620.000				

Mã chương: 622

Đơn vị báo cáo: Trường Mẫu Giáo Sao Sáng 3

Mã DVQHNS: 1052007

Loại	Khoản	Mức	Tiêu mức	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	16.089.999	16.089.999				
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	16.089.999	16.089.999				
				Tổng cộng	4.317.242.232	4.317.242.232				

Người lập
(Ký, họ và tên)

Nguyễn Thị Ngọc Mai

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Nguyễn Thị Ngọc Mai

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lương Thị Oanh

